

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HC-PT

Ngày: 11/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 471/TLHC- PT ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Yêu cầu hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 29 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1055/2021/QĐXX-PT ngày 24/02/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lâm Thị H, sinh năm: 1923;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân Q, sinh năm: 1952 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020); cùng cư trú tại: Thôn N, xã H1, huyện Y, tỉnh T, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Hà Minh P - Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ninh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 02/3/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Y, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H2 – Chủ tịch UBND xã H1, huyện Y, tỉnh T, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hà Thị N1, sinh năm: 1967 và ông Trần Văn T1, sinh năm: 1970; Cùng cư trú tại: Thôn N, xã H1, huyện Y, tỉnh T, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1, bà N1: Luật sư Bạch Tuyết H2, Văn phòng Luật sư P1 - Đoàn luật sư thành phố H3, có mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Lâm Thị H trình bày:

Vợ chồng ông bà quá trình chung sống đã tạo dựng được một lô đất tại thôn N 1, xã H1, huyện Y, tỉnh T, đất đã được đăng ký kê khai trên bản đồ địa chính và làm nhà ở, công trình phụ trên đất. Năm 1992, con gái bà là Hà Thị N1 lập gia đình do chồng đi tù không có chỗ ở nên ông bà đã cho bà N1 mượn đất để làm một căn nhà tạm để ở.

Năm 1996 Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó do tuổi cao sức yếu, hiểu biết hạn chế nên con gái ông bà là Hà Thị N1 đã nói với ông bà đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay ông bà. Lợi dụng việc đi tách thửa, kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà, bà N1 đã tự ý tách thửa đất của vợ chồng bà thành 02 thửa đất (thửa trước đây là 142, tách thành 2 thửa là 142a và 142b), thửa 142a mang tên chồng bà là Hà Văn Đ, thửa 142b mang tên con gái bà là Hà Thị N1. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà cất vào tủ không xem, không biết về diện tích vì không được đo đạc thực tế, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có trích lục sơ đồ kỹ thuật thửa đất. Năm 2006, chồng bà là ông Hà Văn Đ chết. Đầu tháng 5/2019, bà yêu cầu con gái là Hà Thị N1 trả lại đất để chia thừa kế cho 05 người con thì bà N1 không đồng ý chia diện tích đất trên và thông báo diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T: Tuyên hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Y phần cấp cho bà Hà Thị N1; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427 ngày 20/6/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Hà Thị N1 đối với thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 18, diện tích 600m².

Người bị kiện – Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày: Thực hiện Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất; Văn bản số 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính hướng dẫn xử lý một số vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ hướng dẫn số 110/HD-ĐDBĐ ngày 20/5/1994 của Ban quản lý

ruộng đất tỉnh T (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) hướng dẫn trình tự triển khai việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Y nói chung và trên địa bàn xã H1 nói riêng đồng loạt làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, trong đó có hộ bà Hà Thị N1. Bà Hà Thị N1 đã làm đơn đăng ký quyền sử dụng 05 thửa đất và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H1 xét duyệt. Căn cứ hồ sơ và kết quả xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H1, ngày 10/6/1996, Ủy ban nhân dân xã H1 đã trình Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ bà Hà Thị N1. Như vậy, về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà Hà Thị N1, Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 trình bày:* Bà là con của ông Hà Văn Đ (hiện nay đã chết) và bà Lâm Thị H, bố mẹ bà sinh được 05 người con. Năm 1992, bà lấy ông Trần Văn T1. Khi bà sinh con được 6 tháng thì bố mẹ bà cho đất ra ở riêng, vợ chồng bà đã làm nhà ở trên thửa đất đó. Chính ông Hà Văn Đ (bố bà) đã báo chính quyền đến đo đạc đất cho bà. Đến năm 1996, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất hiện nay mẹ bà đang khởi kiện. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập. Ông Trần Văn T1 nhất trí ý kiến trình bày của bà N1 và không có yêu cầu độc lập.

- *Ủy ban nhân dân xã H1 trình bày:* Nguồn gốc thửa đất của bà Hà Thị N1 đang sử dụng hiện nay là đất do gia đình ông Hà Văn Đ khai phá và làm nhà ở từ trước năm 1960, đến năm 1992 bà N1 là con gái ông Đ lấy chồng và làm nhà tạm ra ở riêng. Đến năm 1996, bà N1 được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 là đúng, Ủy ban nhân dân xã H1 nhất trí ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Y. Trình tự, thủ tục Ủy ban nhân dân xã đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 29 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H về việc:

Tuyên hủy một phần quyết định số 214/QĐ-UB ngày 14/6/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Y phân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 142b cho bà Hà Thị N1, địa chỉ thôn N, xã H1, huyện Y, tỉnh T.

Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427 cấp ngày 20/6/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh T cho bà Hà Thị N1, địa chỉ thôn N, xã H1, huyện Y, tỉnh T, đối với thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 18, diện tích 600m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 200m² đất vườn).

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Y thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy

định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 08 năm 2020, bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 414/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Y và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 143, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần quyết định 241 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 142b là vượt quá yêu cầu; cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ xác định bà H có biết chữ không để xem xét có đúng ý chí của bà H về việc khởi kiện vụ án cũng như ủy quyền cho ông Quang tham gia tố tụng không vì văn bản ủy quyền viết ngày 20/12/2019 không có chứng thực, bà H dùng chứng minh thư nhân dân đã hết hiệu lực? Bà H biết bà N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ 29/5/2018, đến ngày 30/12/2019 làm đơn khởi kiện là hết thời hiệu thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người kháng cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427 cấp ngày 20/6/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh T cho bà Hà Thị N1. Quá trình sử dụng giữa bà Lâm Thị H và bà Hà Thị N1 tranh chấp phần đất sử dụng làm ngõ đi. Tại biên bản hòa giải tranh chấp ngõ đi thể hiện bà H có biết bà N1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ thể cấp diện tích đất bao nhiêu nằm ở vị trí nào thì không nắm được. Tại buổi hòa giải

tranh chấp đất đai ngày 29/5/2019, bà H mới biết rõ việc Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Ngày 24/02/2020 bà Lâm Thị H có đơn khởi kiện, như vậy đơn khởi kiện được nộp trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh T đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền, căn cứ khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, khoản 2 Mục IV Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về nguồn gốc thửa đất: Ông Hà Văn Đ (đã chết năm 2006) và bà Lâm Thị H có khai phá và sử dụng 01 thửa đất tại thôn N, xã H1, huyện Y, tỉnh T. Ông bà có 05 người con trong đó có bà Hà Thị N1. Năm 1992, bà Hà Thị N1 kết hôn với ông Trần Văn T1 và được ông Đ, bà H cho sử dụng một phần đất để làm nhà ở. Việc ông Đ, bà H cho bà N1, ông T1 sử dụng đất không có văn bản tặng cho hay thỏa thuận gì. Năm 1996, bà Hà Thị N1 làm đơn và được đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa số 142b, tờ bản đồ số 18 bao gồm 400m² đất thổ cư và 200m² đất vườn và 04 thửa đất lúa khác tại các thửa số 114 diện tích 150m², thửa số 180 diện tích 675m², thửa số 255 diện tích 730m², thửa số 99 diện tích 150m² (đều thuộc tờ bản đồ số 18) và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H1 lập danh sách các cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/6/1996, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị N1 với diện tích 2.295m², trong đó có thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 18, diện tích 600m² (400m² đất ở và 200m² đất vườn).

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 214/QĐ-UB và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427, Hội đồng xét xử thấy: Đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Hà Thị N1 không ghi ngày, tháng, nguồn gốc sử dụng. Bà N1 không có các giấy tờ hợp pháp thể hiện nguồn gốc đất nhưng Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H1 đã xác định đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật.

Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H1 thể hiện tại bản đồ địa chính số 18 xã H1, đo đạc năm 1993 thể hiện bà N1 là người sử dụng thửa đất số 143b, không thể hiện thửa đất số 142b. Tại sổ địa chính xã ngày 10/6/1996 thể hiện chủ sử dụng đất là bà Hà Thị N1 sử dụng các thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 18 bao gồm 400m² đất thổ cư và 200m² đất vườn và 04 thửa đất lúa khác tại các thửa số

114 diện tích 150m², thửa số 180 diện tích 675m², thửa số 255 diện tích 730m², thửa số 99 diện tích 150m² (đều thuộc tờ bản đồ số 18). Tuy nhiên ngày 23/5/1996, bà Hà Thị N1 đã được Hội đồng hợp xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy là diện tích đất bà N1 sử dụng thể hiện trong sổ địa chính xã được đăng ký sau thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 xác định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N1 (thửa số 142b) có phần diện tích đất là đường đi từ đường ngõ vào nhà bà Lâm Thị H. Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N1 cấp chồng lên diện tích đường đi vào nhà bà Lâm Thị H. Ông T1, bà N1 đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã H1, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y xin trả lại diện tích đất này. Ủy ban nhân dân xã H1 đã tiến hành lập biên bản đo đất tại thực địa cùng ông T1, bà N1 xác định ranh giới và tổng diện tích đề nghị trả lại là 170m².

Đồng thời, bà N1 thừa nhận thửa đất số 142b, tờ bản đồ số 18 bao gồm 400m² đất thổ cư và 200m² đất vườn là đất của bố mẹ bà là ông Đ, bà H cho từ năm 1992. Tuy nhiên bà N1 không cung cấp được văn bản tặng cho đất của ông Đ, bà H và không được bà H thừa nhận.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Mục II Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 cũng như Công văn số 1427/CV-ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính về việc Hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Hà Thị N1 không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị N1 không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ, bà H. Từ đó chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Thị H là có cơ sở.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy: Yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H đề nghị hủy một phần quyết định số 214/QĐ-UB ngày 14/6/1996 và một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 663427 tại thửa số 142b cấp cho bà Hà Thị N1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân tích đánh giá và quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án là không có căn cứ, bởi: Về yêu cầu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã xác định rõ nội dung yêu cầu khởi kiện; thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1, bà N1.

Về án phí: bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 29 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Về án phí: Bà Hà Thị N1 và ông Trần Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm. Ghi nhận ông T1 đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004684 ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà